

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2020.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Hải

Ông Lê Quang Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 376, ấp An N, xã An B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Tô Văn T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 438, Tổ 7, Khóm 1, Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tô Văn T1 kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2018.

Vợ chồng chung sống nhưng anh T1 không làm chủ được kinh tế, cờ bạc, rượu chè. Đôi lúc gây áp lực và bạo lực đối với chị. Anh T1 không tôn trọng chị, còn ghen tuông, xúc phạm nhân phẩm và danh dự của chị, đôi lúc anh T1 còn dọa sẽ giết chị. Xét thấy đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Tô Văn T1.

Về con chung: Chị và anh Tô Văn T1 có 01 con chung tên Tô Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 24/9/2014. Hiện nay con chung đang sống chung với chị và anh T1. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Tô Văn T1: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tô Văn T1 nhưng anh T1 không có văn bản ghi ý kiến đối với nội dung vụ án, đồng thời không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Tô Văn T1 có địa chỉ tại phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Tô Văn T1 đã được Tòa án triệu tập đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Tô Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2018 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị T trình bày sau khi kết hôn với anh T1 thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng thời gian sau anh T1 không làm chủ được kinh tế, cờ bạc, rượu chè. Đôi lúc gây áp lực và có hành vi bạo lực đối với chị T. Anh T1 không tôn trọng chị, còn ghen tuông, xúc phạm nhân phẩm và danh dự của chị, đôi lúc anh T1 còn dọa sẽ giết chị nên chị T và T1 đã ly thân từ ngày 26/3/2020 cho đến nay, nhiều lần chị T tìm cách hàn gắn với anh T1 nhưng không được nên chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có ý kiến về quan hệ hôn nhân và vắng mặt tại phiên tòa.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 có nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh Tô Văn T1 là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Tô Văn T1 có một con chung tên Tô Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 24/9/2014. Hiện nay con chung đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 không có ý kiến về con chung và vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh T1 không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi con chung, từ khi chị T và anh T1 không sống chung đến nay, con chung đều sống chung và gần gũi với chị T ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Tiếp tục giao con chung tên Tô Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 24/9/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung Tô Nguyễn Tường Vy; Anh T1 không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai nợ; Anh T1 không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Tô Văn T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T. Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Tô Văn T1.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T. Tiếp tục giao con chung tên Tô Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 24/9/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống chung với chị T.

Về cấp dưỡng dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004664 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự.

Anh Tô Văn T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND Phường 6, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (số 10 ngày 18/01/2018);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo